

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi gồm 07 trang)

Môn: Toán 12
Thời gian: 90 phút
(Không kể thời gian giao đề)

Mã đề thi
129

Câu 1 : Tìm tất cả các giá trị của tham số thực m để đồ thị hàm số $y = -x^4 + 2mx^2 - 1$ có 3 điểm cực trị tạo thành một tam giác có tâm đường tròn ngoại tiếp trùng với gốc tọa độ O .

A. $m = \frac{-1-\sqrt{5}}{2}$ hoặc $m = \frac{-1+\sqrt{5}}{2}$

B. $m = 1$ hoặc $m = \frac{-1-\sqrt{5}}{2}$

C. $m = 1$ hoặc $m = \frac{-1+\sqrt{5}}{2}$

D. $m = 0$ hoặc $m = 1$

Câu 2 : Phương trình $2\log_8 2x + \log_8 (x-1)^2 = \frac{4}{3}$ có :

A. Phương trình đã cho vô nghiệm.

B. 3 nghiệm.

C. 2 nghiệm.

D. 1 nghiệm.

Câu 3 : Phương trình $(\sqrt{2}-1)^x + (\sqrt{2}+1)^x - 2\sqrt{2} = 0$ có tích các nghiệm là:

A. 0

B. 2

C. 1

D. -1

Câu 4 : Hàm số $f(x) = x^3 - 2mx^2 + m^2x - 2$ đạt cực đại tại $x = 1$ khi và chỉ khi

A. $m = 3$

B. $m = 1$

C. $m \in \{1; 3\}$

D. $m \in \{-1; -3\}$

Câu 5 : Hàm số $y = mx^4 + (m-1)x^2 + 2m - 3$ có 3 điểm cực trị khi và chỉ khi:

A. $0 < m < 1$

B. $\begin{cases} m > 1 \\ m < 0 \end{cases}$

C. $0 \leq m \leq 1$

D. $m > 1$

Câu 6 : Cho hình hộp đứng $ABCD.A'B'C'D'$ có đáy là hình vuông, tam giác $A'AC$ vuông cân và $A'C = a$. Thể tích khối hộp $ABCD.A'B'C'D'$ là

A. $\frac{\sqrt{2}}{24}a^3$

B. $\frac{\sqrt{2}}{8}a^3$

C. $\frac{\sqrt{2}}{16}a^3$

D. $\frac{\sqrt{2}}{48}a^3$

Câu 7 : Cho khối tứ diện đều có cạnh bằng a . Chiều cao của tứ diện đó là

A. $\frac{a\sqrt{3}}{3}$

B. $\frac{a\sqrt{6}}{3}$

C. $\frac{a\sqrt{6}}{6}$

D. $\frac{a\sqrt{3}}{2}$

Câu 8 :

Tính: $81^{-0,75} + \left(\frac{1}{125}\right)^{-\frac{1}{3}} - \left(\frac{1}{32}\right)^{-\frac{3}{5}}$ kết quả là:

- A. $\frac{80}{27}$ **B.** $-\frac{79}{27}$ C. $-\frac{80}{27}$ **D.** $\frac{79}{27}$

Câu 9 :

Độ giảm huyết áp của một bệnh nhân được cho bởi công thức $G(x) = 0,025x^2(30 - x)$, trong đó $x > 0$ (miligam) là liều lượng thuốc cần tiêm cho bệnh nhân. Để huyết áp giảm nhiều nhất thì cần tiêm cho bệnh nhân một liều lượng bằng:

- A. 20mg B. 30mg C. 15mg D. Đáp án khác

Câu 10 :

Cho tứ diện OABC có OA, OB, OC đôi một vuông góc. $OA = 3, OB = 4, OC = 5$. Tính khoảng cách từ O đến (ABC)?

- A. $\frac{60}{\sqrt{469}}$ B. $\frac{30}{\sqrt{91}}$ C. $\frac{60}{\sqrt{769}}$ D. $\frac{12}{\sqrt{61}}$

Câu 11 :

Cho hình lăng trụ ABC.A'B'C' có đáy ABC là tam giác đều cạnh a. Hình chiếu vuông góc của A' xuống (ABC) là trung điểm của AB. Mặt bên (ACC'A') tạo với đáy góc 45° . Tính thể tích khối lăng trụ này

- A. $\frac{a^3\sqrt{3}}{3}$ B. $\frac{3a^3}{16}$ C. $\frac{2a^3\sqrt{3}}{3}$ **D.** $\frac{a^3}{16}$

Câu 12 :

Cho hàm số $y = (x^2 - 2x - 2)e^x$. Tích của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số đã cho trên $[0; 3]$ bằng bao nhiêu?

- A. $-2e^3$ B. $-2e^6$ C. $-4e$ D. $-2e^5$

Câu 13 :

Cho khối chóp S.ABC có đáy ABC là tam giác đều cạnh a. Hai mặt bên (SAB) và (SAC) cùng vuông góc với đáy. Tính thể tích khối chóp biết $SC = a\sqrt{3}$

- A. $\frac{2a^3\sqrt{6}}{9}$ B. $\frac{a^3\sqrt{6}}{12}$ C. $\frac{a^3\sqrt{3}}{4}$ D. $\frac{a^3\sqrt{3}}{2}$

Câu 14 :

Cho hình chóp SABCD có đáy ABCD là hình vuông có cạnh a và SA vuông góc đáy ABCD và mặt bên (SCD) hợp với đáy một góc 60° . Tính thể tích hình chóp S.ABCD

- A. $\frac{2a^3\sqrt{3}}{3}$ B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{3}$ C. $\frac{a^3\sqrt{3}}{6}$ D. $a^3\sqrt{3}$

Câu 15 :

Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = \frac{x^3}{3} + 2x^2 + 3x - 4$ trên đoạn $[-4; 0]$ lần lượt là M và m. Giá trị của tổng $M + m$ bằng:

A. $-\frac{28}{3}$

B. $-\frac{17}{3}$

C. -5

D. $-\frac{19}{3}$

Câu 16 : Số nghiệm của phương trình $(x-2)[\log_{0.5}(x^2-5x+6)+1]=0$ là

A. 1

B. 3

C. 0

D. 2

Câu 17 : Cho hàm số $y = \frac{2x+1}{2x-1}$ có đồ thị (C). Khẳng định nào sau đây là **khẳng định đúng**?

A. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = \frac{1}{2}$ và tiệm cận ngang $y = 1$

B. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = -\frac{1}{2}$ và tiệm cận ngang $y = \frac{1}{2}$

C. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = 1$ và tiệm cận ngang $y = \frac{1}{2}$

D. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = \frac{1}{2}$ và tiệm cận ngang $y = 2$

Câu 18 : Phương trình $3^{x^2-2x-3} + 3^{x^2-3x+2} = 3^{2x^2-5x-1} + 1$

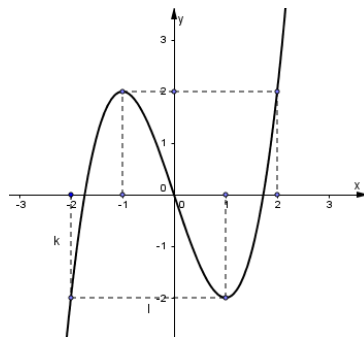
A. Có ba nghiệm thực phân biệt.

B. Vô nghiệm

C. Có hai nghiệm thực phân biệt.

D. Có bốn nghiệm thực phân biệt.

Câu 19 :



Hàm số nào dưới đây có đồ thị như hình vẽ bên?

A. $y = x^3 - 3x$

B. $y = x^4 - 4x^2$

C. $y = -x^3$

D. $y = x^3 - 3x^2$

Câu 20 : Một hình nón tròn xoay có đường cao $h = 20cm$, bán kính đáy $r = 25cm$. Tính diện tích xung quanh hình nón đã cho?

A. $124\pi\sqrt{41}(cm^2)$

B. $125\pi\sqrt{41}(cm^2)$

C. $120\pi\sqrt{41}(cm^2)$

D. $125\pi\sqrt{40}(cm^2)$

Câu 21 : Cho hàm số $f(x) = \ln(4x - x^2)$ chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau :

A. $f'(2)=1$

B. $f'(5)=1.2$

C. $f'(2)=0$

D. $f'(-1)=-1.2$

Câu 22 : Phương trình $8.3^x + 3.2^x = 24 + 6^x$ có tổng các nghiệm bằng:

A. 6

B. 3

C. 4

D. 2

Câu 23 : Cho hình lăng trụ đứng $ABCA'B'C'$ có đáy là tam giác đều cạnh a , đường chéo $A'B = a\sqrt{2}$. Thể tích của khối lăng trụ là.

A. $\frac{a^3\sqrt{3}}{12}$

B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{4}$

C. $\frac{a^3\sqrt{6}}{4}$

D. $\frac{a^3\sqrt{6}}{12}$

Câu 24 : Tìm m để phương trình $4(\log_2 \sqrt{x})^2 - \log_{\frac{1}{2}} x + m = 0$ có nghiệm thuộc khoảng $(0;1)$.

A. $-1 \leq m \leq \frac{1}{4}$

B. $m < \frac{1}{4}$

C. $0 < m \leq \frac{1}{4}$

D. $m \leq \frac{1}{4}$

Câu 25 : Với giá trị nào của m thì hàm số $y = \frac{x+m}{x-1}$ đồng biến trên mỗi khoảng xác định?

A. $m < -1$

B. $m \geq -1$

C. $m > -1$

D. $m \leq -1$

Câu 26 : Tập xác định của hàm số $y = \log_3(2x+1)$ là

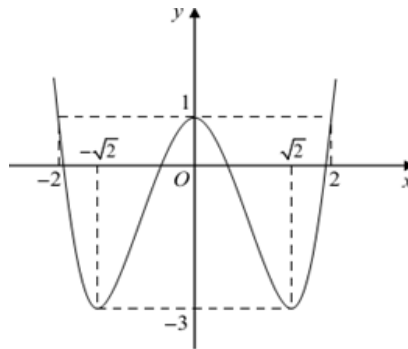
A. $(-\infty; \frac{1}{2})$

B. $(\frac{1}{2}; +\infty)$

C. $(-\frac{1}{2}; +\infty)$

D. $(-\infty; -\frac{1}{2})$

Câu 27 : Biết rằng hình vẽ bên là của đồ thị (C): $y = x^4 - 4x^2 + 1$. Tìm m để phương trình $x^4 - 4x^2 - m = 0$ có 4 nghiệm phân biệt.



A. $-4 \leq m \leq 0$

B. $m = 0; m = -4$

C. $-4 < m < 0$

D. $-3 < m < 1$

Câu 28 : Tính đạo hàm của hàm số : $y = 2016^x$

A. $y' = 2016^x$

B. $y' = \frac{2016^x}{\ln 2016}$

C. $y' = 2016^x \cdot \ln 2016$

D. $y' = x \cdot 2016^{x-1}$

Câu 29 : Cho khối chóp $S.ABC$ có $SA \perp (ABC)$, tam giác ABC vuông tại B , $AB = a$, $AC = a\sqrt{3}$. Tính thể tích khối chóp $S.ABC$, biết rằng $SB = a\sqrt{5}$.

A. $\frac{a^3\sqrt{2}}{3}$

B. $\frac{a^3\sqrt{6}}{6}$

C. $\frac{a^3\sqrt{6}}{4}$

D. $\frac{a^3\sqrt{15}}{6}$

Câu 30 : $\log_{\frac{1}{a}} \sqrt[3]{a^7}$ ($a > 0, a \neq 1$) bằng:

- A. $7/3$ B. $\frac{5}{3}$ C. $-\frac{7}{3}$ D. $\frac{2}{3}$

Câu 31 : Cho lăng trụ tam giác đều $ABC.A'B'C'$, cạnh đáy bằng a . Cho góc hợp bởi $(A'BC)$ và mặt đáy là 30° . Thể tích khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$ là:

- A. $\frac{\sqrt{3}}{12}a^3$ B. $\frac{\sqrt{3}}{8}a^3$ C. $\frac{\sqrt{3}}{24}a^3$ D. $\frac{\sqrt{3}}{4}a^3$

Câu 32 : Một người gửi 15 triệu đồng vào ngân hàng theo thể thức lãi kép kì hạn 1 quý, với lãi suất 1,65% một quý. Hỏi sau bao lâu người gửi có ít nhất 20 triệu đồng (bao gồm cả vốn lẫn lãi) từ số vốn ban đầu ? (Giả sử lãi suất không thay đổi).

- A. 19 quý B. 17 quý C. 16 quý D. 18 quý

Câu 33 : Đồ thị hàm số $y = x^4 - 3x^2 - 2$ giao với trục Ox tại bao nhiêu điểm?

- A. 4 B. 2 C. 3 D. 0

Câu 34 : Gọi x_1, x_2 là nghiệm phương trình $2\log_2(2x+2) + \log_{\frac{1}{2}}(9x-1) = 1$. Khi đó tổng $x_1 + x_2$ bằng:

- A. $\frac{3}{2}$ B. $-\frac{3}{2}$ C. 0 D. $\frac{5}{2}$

Câu 35 : Hàm số $y = \frac{2\cos x - 1}{\cos x + 2}$ có giá trị nhỏ nhất là:

- A. - 3 B. 1 C. $\frac{1}{3}$ D. - 1

Câu 36 : Tìm m để đồ thị hàm số $y = \frac{x}{x-1}$ cắt đường thẳng $y = -x + m$ tại 2 điểm phân biệt.

- A. $\begin{cases} m > 4 \\ m < 0 \end{cases}$ B. $0 < m < 4$ C. $\forall m$ D. $\begin{cases} m \geq 4 \\ m \leq 0 \end{cases}$

Câu 37 : Tổng các nghiệm của phương trình: $\log_3^2 x - \log_3(9x) + 2 = 0$ là

- A. 10 B. 3 C. 0 D. 4

Câu 38 : Số nguyên dương lớn nhất để phương trình $25^{1+\sqrt{1-x^2}} - (m+2)5^{1+\sqrt{1-x^2}} + 2m+1 = 0$ có nghiệm

- A. 20 B. 35 C. 30 D. 25

Câu 39 : Một hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ có ba kích thước là 2 cm, 3 cm và 6 cm. Thể tích khối hộp $ABCD.A'B'C'D'$ bằng

A. 12 cm^3

B. 36 cm^3

C. 4 cm^3

D. 6 cm^3

Câu 40 :

Cho hình chóp S.ABCD có đáy là hình vuông cạnh a, $SD = \frac{a\sqrt{17}}{2}$ hình chiếu vuông góc H của S lên mặt (ABCD) là trung điểm của đoạn AB. Gọi K là trung điểm của AD. Tính khoảng cách giữa hai đường SD và HK theo a

A. $\frac{a\sqrt{3}}{7}$

B. $\frac{3a}{5}$

C. $\frac{\sqrt{3}a}{5}$

D. $\frac{a\sqrt{21}}{5}$

Câu 41 :

Đồ thị hàm số $y = \frac{x-4}{x^2-16}$ có bao nhiêu đường tiệm cận?

A. 4 đường

B. 2 đường

C. 3 đường

D. 1 đường

Câu 42 :

Cho hàm số $y = \frac{1}{3}x^3 - \frac{1}{2}x^2 - 2x$. Phát biểu nào sau đây **đúng** ?

A. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-\infty; -1)$

B. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-1; 2)$

C. Hàm số nghịch biến trên khoảng $(2; +\infty)$

D. Hàm số nghịch biến trên R ;

Câu 43 :

Hình chóp SABCD có đường cao là SA, đáy hình chữ nhật, $AB=3a$, $BC=4a$, góc giữa SC và mặt phẳng đáy bằng 45° . Thể tích khối chóp SABCD là

A. $\frac{12a^3}{\sqrt{5}}$

B. $20a^3$

C. $10a^3$

D. $10\sqrt{2}a^3$

Câu 44 :

Tìm tập xác định của hàm số $y = (x^2 - 1)^{-5}$

A. $D = R$

B. $D = (-\infty; -1) \cup (1; +\infty)$

C. $D = R \setminus \{\pm 1\}$

D. $D = (-1; 1)$

Câu 45 :

Gọi x_1, x_2 là nghiệm phương trình $\log_3(x^2 - x - 5) = \log_3(2x + 5)$. Khi đó tổng $x_1 + x_2$ bằng:

A. -10

B. 5

C. 4

D. 3

Câu 46 :

Xét khối trụ được tạo thành bởi hình trụ tròn xoay có bán kính đáy $r=3\text{cm}$, khoảng cách giữa hai đáy bằng 6cm. Cắt khối trụ đó bởi mặt phẳng song song với trục và cách trục 1cm. Diện tích của thiết diện được tạo nên là :

A. $48\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$

B. $24\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$

C. $20\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$

D. $12\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$

Câu 47 :

Số nghiệm của phương trình $2^{2x^2-7x+5} = 1$ là

A. 0

B. 3

C. 1

D. 2

Câu 48 :

Cho hàm số $y = -x^3 + 3x^2 - 3x + 1$. Mệnh đề nào sau đây đúng?

A. Hàm số luôn đồng biến tập xác định

B. Hàm số luôn nghịch biến tập xác định

C. Hàm số đạt cực đại tại điểm $x = 1$

D. Hàm số đạt cực tiểu tại điểm $x = 1$

Câu 49 : Cho $\log_{0,2} x > \log_{0,2} y$. Chọn khẳng định đúng:

A. $x > y > 0$

B. $x > y \geq 0$

C. $y > x > 0$

D. $y > x \geq 0$

Câu 50 : Tìm m để đồ thị hàm số $y = x^3 - 2mx^2 + (m + 2)x$ cắt trục hoành tại 3 điểm phân biệt

A. $\begin{cases} m > 2 \\ m < -1 \end{cases}$

B. $-1 < m < 2$

C. $\begin{cases} m \geq 2 \\ m \leq -1 \end{cases}$

D. $\begin{cases} m > 2 \\ m < -1 \\ m \neq -2 \end{cases}$

Họ, tên thí sinh:.....**Lớp:**.....

Số báo danh:.....

PHIẾU SOI - ĐÁP ÁN (Dành cho giám khảo)

MÔN : DE 2

M□ ĐỀ : 129

01	{) ~	28	{) ~		
02	{ })	29	) } ~		
03	{ })	30	{) ~		
04	) } ~	31	{) } ~		
05	) } ~	32	{ })		
06	{) } ~	33	) } ~		
07	{) } ~	34	{ })		
08	{) ~	35	) } ~		
09	) } ~	36	) } ~		
10	{) ~	37	{ })		
11	{) } ~	38	{ })		
12	{ })	39	{) } ~		
13	{) } ~	40	{) ~		
14	{) } ~	41	{) } ~		
15	) } ~	42	) } ~		
16	{ })	43	{) } ~		
17	) } ~	44	{) ~		
18	{ })	45	{ })		
19	) } ~	46	{) } ~		
20	{) } ~	47	{ })		
21	{) ~	48	{) } ~		
22	{) ~	49	{) ~		
23	{) } ~	50	) } ~		
24	{ })				
25	) } ~				
26	{) ~				
27	{) ~				

Câu 1 : Tính đạo hàm của hàm số : $y = 2016^x$

- A. $y' = x \cdot 2016^{x-1}$ B. $y' = 2016^x$ C. $y' = 2016^x \cdot \ln 2016$ D. $y = \frac{2016^x}{\ln 2016}$

Câu 2 : Cho tứ diện OABC có OA, OB, OC đôi một vuông góc. $OA = 3, OB = 4, OC = 5$. Tính khoảng cách từ O đến (ABC)?

- A. $\frac{60}{\sqrt{769}}$ B. $\frac{60}{\sqrt{469}}$ C. $\frac{30}{\sqrt{91}}$ D. $\frac{12}{\sqrt{61}}$

Câu 3 : Tìm m để phương trình $4(\log_2 \sqrt{x})^2 - \log_{\frac{1}{2}} x + m = 0$ có nghiệm thuộc khoảng $(0;1)$.

- A. $0 < m \leq \frac{1}{4}$ B. $m \leq \frac{1}{4}$ C. $-1 \leq m \leq \frac{1}{4}$ D. $m < \frac{1}{4}$

Câu 4 : Phương trình $8 \cdot 3^x + 3 \cdot 2^x = 24 + 6^x$ có tổng các nghiệm bằng:

- A. 6 B. 4 C. 2 D. 3

Câu 5 : Số nghiệm của phương trình $2^{2x^2-7x+5} = 1$ là

- A. 0 B. 1 C. 3 D. 2

Câu 6 : Hàm số $f(x) = x^3 - 2mx^2 + m^2x - 2$ đạt cực đại tại $x = 1$ khi và chỉ khi

- A. $m = 3$ B. $m \in \{-1; -3\}$ C. $m \in \{1; 3\}$ D. $m = 1$

Câu 7 : Tổng các nghiệm của phương trình: $\log_3^2 x - \log_3(9x) + 2 = 0$ là

- A. 3 B. 0 C. 4 D. 10

Câu 8 : Cho khối tứ diện đều có cạnh bằng a. Chiều cao của tứ diện đó là

- A. $\frac{a\sqrt{6}}{3}$ B. $\frac{a\sqrt{6}}{6}$ C. $\frac{a\sqrt{3}}{3}$ D. $\frac{a\sqrt{3}}{2}$

Câu 9 : Phương trình $3^{x^2-2x-3} + 3^{x^2-3x+2} = 3^{2x^2-5x-1} + 1$

A. Có ba nghiệm thực phân biệt.

B. Có bốn nghiệm thực phân biệt.

C. Vô nghiệm

D. Có hai nghiệm thực phân biệt.

Câu 10 : Cho khối chóp $S.ABC$ có $SA \perp (ABC)$, tam giác ABC vuông tại B , $AB = a$, $AC = a\sqrt{3}$. Tính thể tích khối chóp $S.ABC$, biết rằng $SB = a\sqrt{5}$.

A. $\frac{a^3\sqrt{6}}{4}$

B. $\frac{a^3\sqrt{15}}{6}$

C. $\frac{a^3\sqrt{2}}{3}$

D. $\frac{a^3\sqrt{6}}{6}$

Câu 11 : Cho hình hộp đứng $ABCD.A'B'C'D'$ có đáy là hình vuông, tam giác $A'AC$ vuông cân và $A'C = a$. Thể tích khối hộp $ABCD.A'B'C'D'$ là

A. $\frac{\sqrt{2}}{8}a^3$

B. $\frac{\sqrt{2}}{16}a^3$

C. $\frac{\sqrt{2}}{24}a^3$

D. $\frac{\sqrt{2}}{48}a^3$

Câu 12 : Hình chóp $SABCD$ có đường cao là SA , đáy hình chữ nhật, $AB=3a$, $BC=4a$, góc giữa SC và mặt phẳng đáy bằng 45° . Thể tích khối chóp $SABCD$ là

A. $10\sqrt{2}a^3$

B. $\frac{12a^3}{\sqrt{5}}$

C. $10a^3$

D. $20a^3$

Câu 13 : Cho hình lăng trụ $ABC.A'B'C'$ có đáy ABC là tam giác đều cạnh a . Hình chiếu vuông góc của A' xuống (ABC) là trung điểm của AB . Mặt bên $(ACC'A')$ tạo với đáy góc 45° . Tính thể tích khối lăng trụ này

A. $\frac{3a^3}{16}$

B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{3}$

C. $\frac{2a^3\sqrt{3}}{3}$

D. $\frac{a^3}{16}$

Câu 14 : $\log_{\frac{1}{a}} \sqrt[3]{a^7}$ ($a > 0$, $a \neq 1$) bằng:

A. $\frac{5}{3}$

B. $\frac{2}{3}$

C. $-\frac{7}{3}$

D. $\frac{7}{3}$

Câu 15 : Cho hình chóp $S.ABCD$ có đáy là hình vuông cạnh a , $SD = \frac{a\sqrt{17}}{2}$ hình chiếu vuông góc H của S lên mặt $(ABCD)$ là trung điểm của đoạn AB . Gọi K là trung điểm của AD . Tính khoảng cách giữa hai đường SD và HK theo a

A. $\frac{a\sqrt{3}}{7}$

B. $\frac{a\sqrt{21}}{5}$

C. $\frac{3a}{5}$

D. $\frac{\sqrt{3}a}{5}$

Câu 16 : Gọi x_1, x_2 là nghiệm phương trình $2\log_2(2x+2) + \log_{\frac{1}{2}}(9x-1) = 1$. Khi đó tổng $x_1 + x_2$ bằng:

A. 0

B. $-\frac{3}{2}$

C. $\frac{5}{2}$

D. $\frac{3}{2}$

Câu 17 : Hàm số $y = mx^4 + (m-1)x^2 + 2m - 3$ có 3 điểm cực trị khi và chỉ khi:

- A. $0 < m < 1$ B. $0 \leq m \leq 1$ C. $\begin{cases} m > 1 \\ m < 0 \end{cases}$ D. $m > 1$

Câu 18 : Cho khối chóp $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác đều cạnh a . Hai mặt bên (SAB) và (SAC) cùng vuông góc với đáy. Tính thể tích khối chóp biết $SC = a\sqrt{3}$

- A. $\frac{a^3\sqrt{6}}{12}$ B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{4}$ C. $\frac{2a^3\sqrt{6}}{9}$ D. $\frac{a^3\sqrt{3}}{2}$

Câu 19 : Tìm tất cả các giá trị của tham số thực m để đồ thị hàm số $y = -x^4 + 2mx^2 - 1$ có 3 điểm cực trị tạo thành một tam giác có tâm đường tròn ngoại tiếp trùng với gốc tọa độ O .

- A. $m = 1$ hoặc $m = \frac{-1+\sqrt{5}}{2}$ B. $m = 1$ hoặc $m = \frac{-1-\sqrt{5}}{2}$
C. $m = 0$ hoặc $m = 1$ D. $m = \frac{-1-\sqrt{5}}{2}$ hoặc $m = \frac{-1+\sqrt{5}}{2}$

Câu 20 : Cho hình chóp $SABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông có cạnh a và SA vuông góc đáy $ABCD$ và mặt bên (SCD) hợp với đáy một góc 60° . Tính thể tích hình chóp $S.ABCD$

- A. $\frac{2a^3\sqrt{3}}{3}$ B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{3}$ C. $\frac{a^3\sqrt{3}}{6}$ D. $a^3\sqrt{3}$

Câu 21 : Đồ thị hàm số $y = x^4 - 3x^2 - 2$ giao với trục Ox tại bao nhiêu điểm?

- A. 3 B. 2 C. 4 D. 0

Câu 22 : Xét khối trụ được tạo thành bởi hình trụ tròn xoay có bán kính đáy $r=3\text{cm}$, khoảng cách giữa hai đáy bằng 6cm . Cắt khối trụ đó bởi mặt phẳng song song với trục và cách trục 1cm . Diện tích của thiết diện được tạo nên là :

- A. $12\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$ B. $20\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$ C. $48\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$ D. $24\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$

Câu 23 : Độ giảm huyết áp của một bệnh nhân được cho bởi công thức $G(x) = 0,025x^2(30 - x)$, trong đó $x > 0$ (miligam) là liều lượng thuốc cần tiêm cho bệnh nhân. Để huyết áp giảm nhiều nhất thì cần tiêm cho bệnh nhân một liều lượng bằng:

- A. 20mg B. 30mg C. Đáp án khác D. 15mg

Câu 24 : Cho $\log_{0,2} x > \log_{0,2} y$. Chọn khẳng định đúng:

- A. $x > y > 0$ B. $y > x \geq 0$ C. $x > y \geq 0$ D. $y > x > 0$

Câu 25 : Tìm m để đồ thị hàm số $y = x^3 - 2mx^2 + (m+2)x$ cắt trục hoành tại 3 điểm phân biệt

- A. $\begin{cases} m > 2 \\ m < -1 \\ m \neq -2 \end{cases}$ B. $-1 < m < 2$ C. $\begin{cases} m \geq 2 \\ m \leq -1 \end{cases}$ D. $\begin{cases} m > 2 \\ m < -1 \end{cases}$

Câu 26 : Số nguyên dương lớn nhất để phương trình $25^{1+\sqrt{1-x^2}} - (m+2)5^{1+\sqrt{1-x^2}} + 2m+1=0$ có nghiệm

- A. 20 B. 35 C. 25 D. 30

Câu 27 : Cho hàm số $y = \frac{1}{3}x^3 - \frac{1}{2}x^2 - 2x$. Phát biểu nào sau đây **đúng** ?

- A. Hàm số nghịch biến trên khoảng $(2; +\infty)$ B. Hàm số nghịch biến trên R ;
C. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-1; 2)$ D. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-\infty; -1)$

Câu 28 : Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = \frac{x^3}{3} + 2x^2 + 3x - 4$ trên đoạn $[-4; 0]$ lần lượt là M và m. Giá trị của tổng $M + m$ bằng:

- A. $-\frac{17}{3}$ B. $-\frac{28}{3}$ C. $-\frac{19}{3}$ D. -5

Câu 29 : Đồ thị hàm số $y = \frac{x-4}{x^2-16}$ có bao nhiêu đường tiệm cận?

- A. 3 đường B. 4 đường C. 1 đường D. 2 đường

Câu 30 : Tìm tập xác định của hàm số $y = (x^2 - 1)^{-5}$

- A. $D = R$ B. $D = (-1; 1)$ C. $D = (-\infty; -1) \cup (1; +\infty)$ D. $D = R \setminus \{\pm 1\}$

Câu 31 : Tìm m để đồ thị hàm số $y = \frac{x}{x-1}$ cắt đường thẳng $y = -x + m$ tại 2 điểm phân biệt.

- A. $\forall m$ B. $0 < m < 4$ C. $\begin{cases} m > 4 \\ m < 0 \end{cases}$ D. $\begin{cases} m \geq 4 \\ m \leq 0 \end{cases}$

Câu 32 : Một hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ có ba kích thước là 2 cm, 3 cm và 6 cm. Thể tích khối hộp $ABCD.A'B'C'D'$ bằng

- A. 12 cm^3 B. 6 cm^3 C. 4 cm^3 D. 36 cm^3

Câu 33 : Một hình nón tròn xoay có đường cao $h = 20 \text{ cm}$, bán kính đáy $r = 25 \text{ cm}$. Tính diện tích xung quanh hình nón đã cho?

- A. $120\pi\sqrt{41}(\text{cm}^2)$ B. $125\pi\sqrt{41}(\text{cm}^2)$ C. $124\pi\sqrt{41}(\text{cm}^2)$ D. $125\pi\sqrt{40}(\text{cm}^2)$

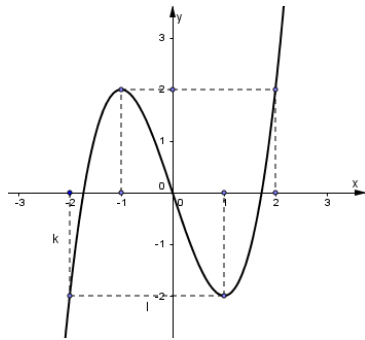
Câu 34 : Gọi x_1, x_2 là nghiệm phương trình $\log_3(x^2 - x - 5) = \log_3(2x + 5)$. Khi đó tổng $x_1 + x_2$ bằng:

- A. -10 B. 5 C. 4 D. 3

Câu 35 : Phương trình $2\log_8 2x + \log_8(x-1)^2 = \frac{4}{3}$ có :

- A. 1 nghiệm. B. 3 nghiệm. C. 2 nghiệm. D. Phương trình đã cho vô nghiệm.

Câu 36 :



Hàm số nào dưới đây có đồ thị như hình vẽ bên?

- A. $y = -x^3$ B. $y = x^3 - 3x$ C. $y = x^3 - 3x^2$ D. $y = x^4 - 4x^2$

Câu 37 : Cho hàm số $y = (x^2 - 2x - 2)e^x$. Tích của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số đã cho trên $[0; 3]$ bằng bao nhiêu?

- A. $-2e^5$ B. $-4e$ C. $-2e^6$ D. $-2e^3$

Câu 38 : Tập xác định của hàm số $y = \log_3(2x+1)$ là

- A. $(-\infty; \frac{1}{2})$ B. $(-\frac{1}{2}; +\infty)$ C. $(\frac{1}{2}; +\infty)$ D. $(-\infty; -\frac{1}{2})$

Câu 39 : Phương trình $(\sqrt{2}-1)^x + (\sqrt{2}+1)^x - 2\sqrt{2} = 0$ có tích các nghiệm là:

- A. -1 B. 0 C. 2 D. 1

Câu 40 : Tính: $81^{-0,75} + \left(\frac{1}{125}\right)^{-\frac{1}{3}} - \left(\frac{1}{32}\right)^{-\frac{3}{5}}$ kết quả là:

- A. $-\frac{80}{27}$ B. $\frac{80}{27}$ C. $-\frac{79}{27}$ D. $\frac{79}{27}$

Câu 41 : Cho hàm số $y = \frac{2x+1}{2x-1}$ có đồ thị (C). Khẳng định nào sau đây là **khẳng định đúng**?

- A. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = \frac{1}{2}$ và tiệm cận ngang $y = 2$

B. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = \frac{1}{2}$ và tiệm cận ngang $y = 1$

C. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = 1$ và tiệm cận ngang $y = \frac{1}{2}$

D. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = -\frac{1}{2}$ và tiệm cận ngang $y = \frac{1}{2}$

Câu 42 : Cho hình lăng trụ đứng $ABCA'B'C'$ có đáy là tam giác đều cạnh a , đường chéo $A'B = a\sqrt{2}$. Thể tích của khối lăng trụ là.

A. $\frac{a^3\sqrt{3}}{12}$

B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{4}$

C. $\frac{a^3\sqrt{6}}{4}$

D. $\frac{a^3\sqrt{6}}{12}$

Câu 43 : Hàm số $y = \frac{2\cos x - 1}{\cos x + 2}$ có giá trị nhỏ nhất là:

A. $\frac{1}{3}$

B. 1

C. - 3

D. - 1

Câu 44 : Với giá trị nào của m thì hàm số $y = \frac{x+m}{x-1}$ đồng biến trên mỗi khoảng xác định?

A. $m > -1$

B. $m < -1$

C. $m \geq -1$

D. $m \leq -1$

Câu 45 : Cho hàm số $y = -x^3 + 3x^2 - 3x + 1$. Mệnh đề nào sau đây đúng?

A. Hàm số luôn đồng biến tập xác định

B. Hàm số đạt cực đại tại điểm $x = 1$

C. Hàm số đạt cực tiểu tại điểm $x = 1$

D. Hàm số luôn nghịch biến tập xác định

Câu 46 : Cho hàm số $f(x) = \ln(4x - x^2)$ chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau :

A. $f'(2) = 1$

B. $f'(2) = 0$

C. $f'(5) = 1.2$

D. $f'(-1) = -1.2$

Câu 47 : Số nghiệm của phương trình $(x-2)[\log_{0.5}(x^2-5x+6)+1] = 0$ là

A. 3

B. 2

C. 1

D. 0

Câu 48 : Một người gửi 15 triệu đồng vào ngân hàng theo thể thức lãi kép kì hạn 1 quý, với lãi suất 1,65% một quý. Hỏi sau bao lâu người gửi có ít nhất 20 triệu đồng (bao gồm cả vốn lẫn lãi) từ số vốn ban đầu ? (Giả sử lãi suất không thay đổi).

A. 16 quý

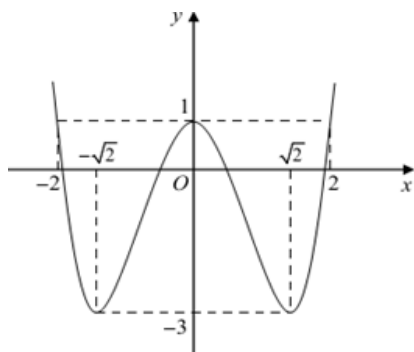
B. 17 quý

C. 18 quý

D. 19 quý

Câu 49 : Biết rằng hình vẽ bên là của đồ thị (C): $y = x^4 - 4x^2 + 1$.

Tìm m để phương trình $x^4 - 4x^2 - m = 0$ có 4 nghiệm phân biệt.



A. $-4 \leq m \leq 0$

B. $m = 0; m = -4$

C. $-4 < m < 0$

D. $-3 < m < 1$

Câu 50 : Cho lăng trụ tam giác đều $ABC.A'B'C'$, cạnh đáy bằng a . Cho góc hợp bởi $(A'BC)$ và mặt đáy là 30° . Thể tích khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$ là:

A. $\frac{\sqrt{3}}{12}a^3$

B. $\frac{\sqrt{3}}{24}a^3$

C. $\frac{\sqrt{3}}{8}a^3$

D. $\frac{\sqrt{3}}{4}a^3$

Họ, tên thí sinh:.....**Lớp:**.....

Số báo danh:.....

PHIẾU SOI - ĐÁP ÁN (Dành cho giám khảo)

MÔN : DE 2

M□ ĐỀ : 130

01	{) ~	28	{) } ~		
02	) } ~	29	{ })		
03	{) } ~	30	{ })		
04	{) } ~	31	{) ~		
05	{ })	32	{ })		
06	) } ~	33	{) } ~		
07	{) ~	34	{ })		
08	) } ~	35	) } ~		
09	{) } ~	36	{) } ~		
10	{) ~	37	) } ~		
11	) } ~	38	{) } ~		
12	{ })	39	) } ~		
13	) } ~	40	) } ~		
14	{) ~	41	{) } ~		
15	{ })	42	{) } ~		
16	{) ~	43	{) ~		
17	) } ~	44	{) } ~		
18	) } ~	45	{ })		
19	) } ~	46	{) } ~		
20	{) } ~	47	{) } ~		
21	{) ~	48	{) ~		
22	{ })	49	{) ~		
23	) } ~	50	{) ~		
24	{ })				
25	{ })				
26	{) ~				
27	{ })				

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi gồm 07 trang)

Môn: Toán 12
Thời gian: 90 phút
(Không kể thời gian giao đề)

Mã đề thi
131

Câu 1 : Cho lăng trụ tam giác đều $ABC.A'B'C'$, cạnh đáy bằng a . Cho góc hợp bởi $(A'BC)$ và mặt đáy là 30° . Thể tích khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$ là:

- A. $\frac{\sqrt{3}}{12}a^3$ B. $\frac{\sqrt{3}}{4}a^3$ C. $\frac{\sqrt{3}}{24}a^3$ D. $\frac{\sqrt{3}}{8}a^3$

Câu 2 : Cho hình hộp đứng $ABCD.A'B'C'D'$ có đáy là hình vuông, tam giác $A'AC$ vuông cân và $A'C = a$. Thể tích khối hộp $ABCD.A'B'C'D'$ là

- A. $\frac{\sqrt{2}}{8}a^3$ B. $\frac{\sqrt{2}}{16}a^3$ C. $\frac{\sqrt{2}}{24}a^3$ D. $\frac{\sqrt{2}}{48}a^3$

Câu 3 : Cho hàm số $y = -x^3 + 3x^2 - 3x + 1$. Mệnh đề nào sau đây đúng?

- A. Hàm số luôn đồng biến tập xác định B. Hàm số đạt cực đại tại điểm $x = 1$
C. Hàm số đạt cực tiểu tại điểm $x = 1$ D. Hàm số luôn nghịch biến tập xác định

Câu 4 : Số nguyên dương lớn nhất để phương trình $25^{1+\sqrt{1-x^2}} - (m+2)5^{1+\sqrt{1-x^2}} + 2m+1 = 0$ có nghiệm

- A. 35 B. 25 C. 20 D. 30

Câu 5 : Phương trình $(\sqrt{2}-1)^x + (\sqrt{2}+1)^x - 2\sqrt{2} = 0$ có tích các nghiệm là:

- A. 1 B. 0 C. 2 D. -1

Câu 6 : Hàm số $f(x) = x^3 - 2mx^2 + m^2x - 2$ đạt cực đại tại $x = 1$ khi và chỉ khi

- A. $m = 3$ B. $m = 1$ C. $m \in \{1; 3\}$ D. $m \in \{-1; -3\}$

Câu 7 : Một người gửi 15 triệu đồng vào ngân hàng theo thể thức lãi kép kì hạn 1 quý, với lãi suất 1,65% một quý. Hỏi sau bao lâu người gửi có ít nhất 20 triệu đồng (bao gồm cả vốn lẫn lãi) từ số vốn ban đầu ? (Giả sử lãi suất không thay đổi).

- A. 16 quý B. 19 quý C. 17 quý D. 18 quý

Câu 8 : Cho khối chóp $S.ABC$ có đáy ABC là tam giác đều cạnh a . Hai mặt bên (SAB) và (SAC) cùng vuông góc với đáy. Tính thể tích khối chóp biết $SC = a\sqrt{3}$

A. $\frac{a^3\sqrt{3}}{4}$

B. $\frac{a^3\sqrt{6}}{12}$

C. $\frac{2a^3\sqrt{6}}{9}$

D. $\frac{a^3\sqrt{3}}{2}$

Câu 9 : Tìm m để đồ thị hàm số $y = \frac{x}{x-1}$ cắt đường thẳng $y = -x + m$ tại 2 điểm phân biệt.

A. $\forall m$

B. $0 < m < 4$

C. $\begin{cases} m > 4 \\ m < 0 \end{cases}$

D. $\begin{cases} m \geq 4 \\ m \leq 0 \end{cases}$

Câu 10 : Tìm m để đồ thị hàm số $y = x^3 - 2mx^2 + (m+2)x$ cắt trục hoành tại 3 điểm phân biệt

A. $\begin{cases} m \geq 2 \\ m \leq -1 \end{cases}$

B. $\begin{cases} m > 2 \\ m < -1 \end{cases}$

C. $-1 < m < 2$

D. $\begin{cases} m > 2 \\ m < -1 \\ m \neq -2 \end{cases}$

Câu 11 : Một hình nón tròn xoay có đường cao $h = 20cm$, bán kính đáy $r = 25cm$. Tính diện tích xung quanh hình nón đã cho?

A. $124\pi\sqrt{41}(cm^2)$

B. $120\pi\sqrt{41}(cm^2)$

C. $125\pi\sqrt{41}(cm^2)$

D. $125\pi\sqrt{40}(cm^2)$

Câu 12 : Phương trình $2\log_8 2x + \log_8 (x-1)^2 = \frac{4}{3}$ có :

A. 3 nghiệm.

B. 2 nghiệm.

C. 1 nghiệm.

D. Phương trình đã cho vô nghiệm.

Câu 13 : Cho khối tứ diện đều có cạnh bằng a. Chiều cao của tứ diện đó là

A. $\frac{a\sqrt{6}}{3}$

B. $\frac{a\sqrt{6}}{6}$

C. $\frac{a\sqrt{3}}{3}$

D. $\frac{a\sqrt{3}}{2}$

Câu 14 : Đồ thị hàm số $y = x^4 - 3x^2 - 2$ giao với trục Ox tại bao nhiêu điểm?

A. 3

B. 4

C. 2

D. 0

Câu 15 : Cho hàm số $y = \frac{2x+1}{2x-1}$ có đồ thị (C). Khẳng định nào sau đây là **khẳng định đúng**?

A. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = \frac{1}{2}$ và tiệm cận ngang $y = 2$

B. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = 1$ và tiệm cận ngang $y = \frac{1}{2}$

C. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = -\frac{1}{2}$ và tiệm cận ngang $y = \frac{1}{2}$

D. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = \frac{1}{2}$ và tiệm cận ngang $y = 1$

Câu 16 : $\log_{\frac{1}{a}} \sqrt[3]{a^7}$ ($a > 0, a \neq 1$) bằng:

- A. $7/3$ B. $-\frac{7}{3}$ C. $\frac{5}{3}$ D. $\frac{2}{3}$

Câu 17 : Cho khối chóp $S.ABC$ có $SA \perp (ABC)$, tam giác ABC vuông tại B , $AB = a, AC = a\sqrt{3}$. Tính thể tích khối chóp $S.ABC$, biết rằng $SB = a\sqrt{5}$.

- A. $\frac{a^3\sqrt{2}}{3}$ B. $\frac{a^3\sqrt{15}}{6}$ C. $\frac{a^3\sqrt{6}}{6}$ D. $\frac{a^3\sqrt{6}}{4}$

Câu 18 : Số nghiệm của phương trình $2^{2x^2-7x+5} = 1$ là

- A. 2 B. 3 C. 1 D. 0

Câu 19 : Cho $\log_{0,2} x > \log_{0,2} y$. Chọn khẳng định đúng:

- A. $y > x \geq 0$ B. $y > x > 0$ C. $x > y \geq 0$ D. $x > y > 0$

Câu 20 : Hàm số $y = \frac{2\cos x - 1}{\cos x + 2}$ có giá trị nhỏ nhất là:

- A. 1 B. - 1 C. $\frac{1}{3}$ D. - 3

Câu 21 : Tính: $81^{-0,75} + \left(\frac{1}{125}\right)^{-\frac{1}{3}} - \left(\frac{1}{32}\right)^{-\frac{3}{5}}$ kết quả là:

- A. $-\frac{79}{27}$ B. $\frac{80}{27}$ C. $\frac{79}{27}$ D. $-\frac{80}{27}$

Câu 22 : Cho hình lăng trụ đứng $ABCA'B'C'$ có đáy là tam giác đều cạnh a , đường chéo $A'B = a\sqrt{2}$. Thể tích của khối lăng trụ là.

- A. $\frac{a^3\sqrt{3}}{12}$ B. $\frac{a^3\sqrt{6}}{4}$ C. $\frac{a^3\sqrt{6}}{12}$ D. $\frac{a^3\sqrt{3}}{4}$

Câu 23 : Phương trình $3^{x^2-2x-3} + 3^{x^2-3x+2} = 3^{2x^2-5x-1} + 1$

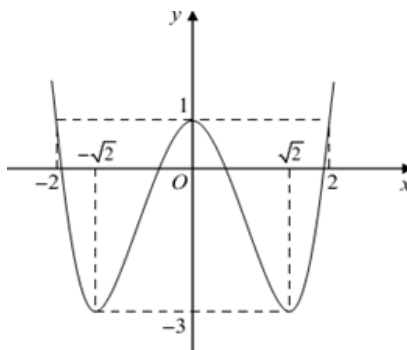
- A. Có bốn nghiệm thực phân biệt. B. Có hai nghiệm thực phân biệt.
C. Vô nghiệm D. Có ba nghiệm thực phân biệt.

Câu 24 : Cho hình lăng trụ $ABC.A'B'C'$ có đáy ABC là tam giác đều cạnh a . Hình chiếu vuông góc của A' xuống (ABC) là trung điểm của AB . Mặt bên $(ACC'A')$ tạo với đáy góc 45° . Tính thể tích khối

lăng trụ này

- A. $\frac{3a^3}{16}$ **B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{3}$** C. $\frac{2a^3\sqrt{3}}{3}$ D. $\frac{a^3}{16}$

Câu 25 : Biết rằng hình vẽ bên là của đồ thị (C): $y = x^4 - 4x^2 + 1$. Tìm m để phương trình $x^4 - 4x^2 - m = 0$ có 4 nghiệm phân biệt.



- A. $-4 \leq m \leq 0$ B. $-3 < m < 1$ C. $m = 0; m = -4$ D. $-4 < m < 0$

Câu 26 : Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = \frac{x^3}{3} + 2x^2 + 3x - 4$ trên đoạn $[-4; 0]$ lần lượt là M và m. Giá trị của tổng $M + m$ bằng:

- A. $-\frac{17}{3}$ B. $-\frac{19}{3}$ C. $-\frac{28}{3}$ D. -5

Câu 27 : Tính đạo hàm của hàm số : $y = 2016^x$

- A. $y' = 2016^x \cdot \ln 2016$ B. $y' = 2016^x$ C. $y' = x \cdot 2016^{x-1}$ D. $y = \frac{2016^x}{\ln 2016}$

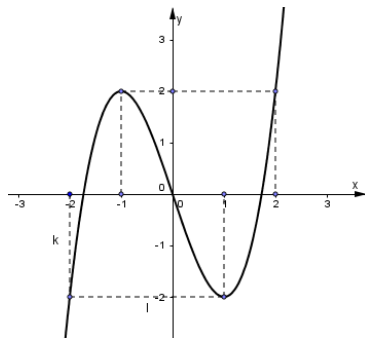
Câu 28 : Tập xác định của hàm số $y = \log_3(2x+1)$ là

- A. $(-\infty; \frac{1}{2})$ B. $(\frac{1}{2}; +\infty)$ C. $(-\frac{1}{2}; +\infty)$ D. $(-\infty; -\frac{1}{2})$

Câu 29 : Hình chóp SABCD có đường cao là SA, đáy hình chữ nhật, $AB=3a$, $BC=4a$, góc giữa SC và mặt phẳng đáy bằng 45° . Thể tích khối chóp SABCD là

- A. $20a^3$ B. $\frac{12a^3}{\sqrt{5}}$ C. $10a^3$ D. $10\sqrt{2}a^3$

Câu 30 :



Hàm số nào dưới đây có đồ thị như hình vẽ bên?

- A. $y = x^4 - 4x^2$ B. $y = x^3 - 3x^2$ C. $y = x^3 - 3x$ D. $y = -x^3$

Câu 31 :

Cho hàm số $y = \frac{1}{3}x^3 - \frac{1}{2}x^2 - 2x$. Phát biểu nào sau đây **đúng** ?

- A. Hàm số nghịch biến trên khoảng $(2; +\infty)$ B. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-1; 2)$
C. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-\infty; -1)$ D. Hàm số nghịch biến trên R ;

Câu 32 : Cho tứ diện OABC có OA, OB, OC đôi một vuông góc. $OA = 3, OB = 4, OC = 5$. Tính khoảng cách từ O đến (ABC)?

- A. $\frac{60}{\sqrt{769}}$ B. $\frac{60}{\sqrt{469}}$ C. $\frac{30}{\sqrt{91}}$ D. $\frac{12}{\sqrt{61}}$

Câu 33 :

Đồ thị hàm số $y = \frac{x-4}{x^2-16}$ có bao nhiêu đường tiệm cận?

- A. 3 đường B. 4 đường C. 2 đường D. 1 đường

Câu 34 : Xét khối trụ được tạo thành bởi hình trụ tròn xoay có bán kính đáy $r=3\text{cm}$, khoảng cách giữa hai đáy bằng 6cm . Cắt khối trụ đó bởi mặt phẳng song song với trục và cách trục 1cm . Diện tích của thiết diện được tạo nên là :

- A. $48\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$ B. $24\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$ C. $12\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$ D. $20\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$

Câu 35 : Hàm số $y = mx^4 + (m-1)x^2 + 2m-3$ có 3 điểm cực trị khi và chỉ khi:

- A. $m > 1$ B. $0 < m < 1$ C. $0 \leq m \leq 1$ D. $\begin{cases} m > 1 \\ m < 0 \end{cases}$

Câu 36 :

Cho hàm số $y = (x^2 - 2x - 2)e^x$. Tích của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số đã cho trên $[0; 3]$ bằng bao nhiêu?

- A. $-4e$ B. $-2e^6$ C. $-2e^5$ D. $-2e^3$

Câu 37 :

Tìm tất cả các giá trị của tham số thực m để đồ thị hàm số $y = -x^4 + 2mx^2 - 1$ có 3 điểm cực trị tạo thành một tam giác có tâm đường tròn ngoại tiếp trùng với gốc tọa độ O.

A. $m = \frac{-1-\sqrt{5}}{2}$ hoặc $m = \frac{-1+\sqrt{5}}{2}$

B. $m = 1$ hoặc $m = \frac{-1+\sqrt{5}}{2}$

C. $m = 0$ hoặc $m = 1$

D. $m = 1$ hoặc $m = \frac{-1-\sqrt{5}}{2}$

Câu 38 : Tổng các nghiệm của phương trình: $\log_3^2 x - \log_3(9x) + 2 = 0$ là

A. 4

B. 3

C. 0

D. 10

Câu 39 : Tìm tập xác định của hàm số $y = (x^2 - 1)^{-5}$

A. $D = R$

B. $D = (-\infty; -1) \cup (1; \infty)$

C. $D = R \setminus \{\pm 1\}$

D. $D = (-1; 1)$

Câu 40 :

Cho hình chóp S.ABCD có đáy là hình vuông cạnh a, $SD = \frac{a\sqrt{17}}{2}$ hình chiếu vuông góc H của S lên mặt (ABCD) là trung điểm của đoạn AB. Gọi K là trung điểm của AD. Tính khoảng cách giữa hai đường SD và HK theo a

A. $\frac{a\sqrt{3}}{7}$

B. $\frac{\sqrt{3}a}{5}$

C. $\frac{a\sqrt{21}}{5}$

D. $\frac{3a}{5}$

Câu 41 : Với giá trị nào của m thì hàm số $y = \frac{x+m}{x-1}$ đồng biến trên mỗi khoảng xác định?

A. $m > -1$

B. $m \leq -1$

C. $m \geq -1$

D. $m < -1$

Câu 42 : Cho hình chóp SABCD có đáy ABCD là hình vuông có cạnh a và SA vuông góc đáy ABCD và mặt bên (SCD) hợp với đáy một góc 60° . Tính thể tích hình chóp S.ABCD

A. $\frac{2a^3\sqrt{3}}{3}$

B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{3}$

C. $\frac{a^3\sqrt{3}}{6}$

D. $a^3\sqrt{3}$

Câu 43 : Gọi x_1, x_2 là nghiệm phương trình $2\log_2(2x+2) + \log_{\frac{1}{2}}(9x-1) = 1$. Khi đó tổng $x_1 + x_2$ bằng:

A. 0

B. $\frac{5}{2}$

C. $-\frac{3}{2}$

D. $\frac{3}{2}$

Câu 44 : Một hình hộp chữ nhật ABCD.A'B'C'D' có ba kích thước là 2 cm, 3 cm và 6 cm. Thể tích khối hộp ABCD.A'B'C'D' bằng

A. 4 cm^3

B. 6 cm^3

C. 36 cm^3

D. 12 cm^3

Câu 45 : Phương trình $8 \cdot 3^x + 3 \cdot 2^x = 24 + 6^x$ có tổng các nghiệm bằng:

A. 4

B. 2

C. 6

D. 3

Câu 46 : Độ giảm huyết áp của một bệnh nhân được cho bởi công thức $G(x) = 0,025x^2(30 - x)$, trong đó $x > 0$ (miligam) là liều lượng thuốc cần tiêm cho bệnh nhân. Để huyết áp giảm nhiều nhất thì cần tiêm cho bệnh nhân một liều lượng bằng:

- A. 15mg B. 20mg C. Đáp án khác D. 30mg

Câu 47 : Tìm m để phương trình $4(\log_2 \sqrt{x})^2 - \log_{\frac{1}{2}} x + m = 0$ có nghiệm thuộc khoảng $(0;1)$.

- A. $m \leq \frac{1}{4}$ B. $-1 \leq m \leq \frac{1}{4}$ C. $0 < m \leq \frac{1}{4}$ D. $m < \frac{1}{4}$

Câu 48 : Số nghiệm của phương trình $(x-2)[\log_{0.5}(x^2-5x+6)+1]=0$ là

- A. 1 B. 3 C. 0 D. 2

Câu 49 : Gọi x_1, x_2 là nghiệm phương trình $\log_3(x^2 - x - 5) = \log_3(2x + 5)$. Khi đó tổng $x_1 + x_2$ bằng:

- A. -10 B. 4 C. 3 D. 5

Câu 50 : Cho hàm số $f(x) = \ln(4x - x^2)$ chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau :

- A. $f'(2)=1$ B. $f'(-1)=-1.2$ C. $f'(5)=1.2$ D. $f'(2)=0$

Họ, tên thí sinh:.....**Lớp:**.....

Số báo danh:.....

PHIẾU SOI - ĐÁP ÁN (Dành cho giám khảo)

MÔN : DE 2

M□ ĐỀ : 131

01	{ })	28	{) ~		
02	) } ~	29	) } ~		
03	{ })	30	{) ~		
04	{) } ~	31	{) ~		
05	{ })	32	) } ~		
06	) } ~	33	{) ~		
07	{ })	34	{) } ~		
08	{) } ~	35	{) } ~		
09	{) ~	36	{) ~		
10	{) } ~	37	{) } ~		
11	{) ~	38	) } ~		
12	{) ~	39	{) ~		
13	) } ~	40	{) } ~		
14	{) } ~	41	{ })		
15	{ })	42	{) } ~		
16	{) } ~	43	{) } ~		
17	) } ~	44	{) ~		
18	) } ~	45	) } ~		
19	{) } ~	46	{) } ~		
20	{ })	47	) } ~		
21	{ })	48	{ })		
22	{ })	49	{) ~		
23	) } ~	50	{ })		
24	) } ~				
25	{ })				
26	{) ~				
27	) } ~				

ĐỀ THI CHÍNH THỨC
(Đề thi gồm 07 trang)

Môn: Toán 12
Thời gian: 90 phút
(Không kể thời gian giao đề)

Mã đề thi
132

Câu 1 : Tìm tập xác định của hàm số $y = (x^2 - 1)^{-5}$

- A. $D = (-\infty; -1) \cup (1; +\infty)$ B. $D = (-1; 1)$ C. $D = \mathbb{R}$ D. $D = \mathbb{R} \setminus \{\pm 1\}$

Câu 2 : Với giá trị nào của m thì hàm số $y = \frac{x+m}{x-1}$ đồng biến trên mỗi khoảng xác định?

- A. $m > -1$ B. $m \leq -1$ C. $m \geq -1$ D. $m < -1$

Câu 3 : Cho tứ diện OABC có OA, OB, OC đôi một vuông góc. $OA = 3, OB = 4, OC = 5$. Tính khoảng cách từ O đến (ABC)?

- A. $\frac{60}{\sqrt{469}}$ B. $\frac{12}{\sqrt{61}}$ C. $\frac{60}{\sqrt{769}}$ D. $\frac{30}{\sqrt{91}}$

Câu 4 : Cho hình chóp S.ABCD có đáy là hình vuông cạnh a , $SD = \frac{a\sqrt{17}}{2}$ hình chiếu vuông góc H của S lên mặt (ABCD) là trung điểm của đoạn AB. Gọi K là trung điểm của AD. Tính khoảng cách giữa hai đường SD và HK theo a

- A. $\frac{a\sqrt{3}}{7}$ B. $\frac{a\sqrt{21}}{5}$ C. $\frac{3a}{5}$ D. $\frac{\sqrt{3}a}{5}$

Câu 5 : Cho khối chóp S.ABC có đáy ABC là tam giác đều cạnh a . Hai mặt bên (SAB) và (SAC) cùng vuông góc với đáy. Tính thể tích khối chóp biết $SC = a\sqrt{3}$

- A. $\frac{a^3\sqrt{6}}{12}$ B. $\frac{2a^3\sqrt{6}}{9}$ C. $\frac{a^3\sqrt{3}}{4}$ D. $\frac{a^3\sqrt{3}}{2}$

Câu 6 : Cho khối tứ diện đều có cạnh bằng a . Chiều cao của tứ diện đó là

- A. $\frac{a\sqrt{6}}{3}$ B. $\frac{a\sqrt{6}}{6}$ C. $\frac{a\sqrt{3}}{3}$ D. $\frac{a\sqrt{3}}{2}$

Câu 7 : Hàm số $f(x) = x^3 - 2mx^2 + m^2x - 2$ đạt cực đại tại $x = 1$ khi và chỉ khi

- A. $m = 3$ B. $m = 1$ C. $m \in \{1; 3\}$ D. $m \in \{-1; -3\}$

Câu 8 : Số nghiệm của phương trình $2^{2x^2-7x+5} = 1$ là

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 0

Câu 9 : Cho khối chóp $S.ABC$ có $SA \perp (ABC)$, tam giác ABC vuông tại B , $AB = a, AC = a\sqrt{3}$. Tính thể tích khối chóp $S.ABC$, biết rằng $SB = a\sqrt{5}$.

- A. $\frac{a^3\sqrt{6}}{6}$ B. $\frac{a^3\sqrt{2}}{3}$ C. $\frac{a^3\sqrt{15}}{6}$ D. $\frac{a^3\sqrt{6}}{4}$

Câu 10 : Xét khối trụ được tạo thành bởi hình trụ tròn xoay có bán kính đáy $r=3\text{cm}$, khoảng cách giữa hai đáy bằng 6cm . Cắt khối trụ đó bởi mặt phẳng song song với trục và cách trục 1cm . Diện tích của thiết diện được tạo nên là :

- A. $12\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$ B. $48\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$ C. $24\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$ D. $20\sqrt{2} \text{ (cm}^2\text{)}$

Câu 11 : Độ giảm huyết áp của một bệnh nhân được cho bởi công thức $G(x) = 0,025x^2(30 - x)$, trong đó $x > 0$ (miligam) là liều lượng thuốc cần tiêm cho bệnh nhân. Để huyết áp giảm nhiều nhất thì cần tiêm cho bệnh nhân một liều lượng bằng:

- A. 15mg B. Đáp án khác C. 30mg D. 20mg

Câu 12 : Gọi x_1, x_2 là nghiệm phương trình $2\log_2(2x+2) + \log_{\frac{1}{2}}(9x-1) = 1$. Khi đó tổng $x_1 + x_2$ bằng:

- A. 0 B. $\frac{3}{2}$ C. $-\frac{3}{2}$ D. $\frac{5}{2}$

Câu 13 : Tìm m để phương trình $4(\log_2 \sqrt{x})^2 - \log_{\frac{1}{2}} x + m = 0$ có nghiệm thuộc khoảng $(0; 1)$.

- A. $0 < m \leq \frac{1}{4}$ B. $m < \frac{1}{4}$ C. $-1 \leq m \leq \frac{1}{4}$ D. $m \leq \frac{1}{4}$

Câu 14 : Tìm tất cả các giá trị của tham số thực m để đồ thị hàm số $y = -x^4 + 2mx^2 - 1$ có 3 điểm cực trị tạo thành một tam giác có tâm đường tròn ngoại tiếp trùng với gốc tọa độ O .

- A. $m = \frac{-1-\sqrt{5}}{2}$ hoặc $m = \frac{-1+\sqrt{5}}{2}$ B. $m = 0$ hoặc $m = 1$
C. $m = 1$ hoặc $m = \frac{-1+\sqrt{5}}{2}$ D. $m = 1$ hoặc $m = \frac{-1-\sqrt{5}}{2}$

Câu 15 : Cho lăng trụ tam giác đều $ABC.A'B'C'$, cạnh đáy bằng a . Cho góc hợp bởi $(A'BC)$ và mặt đáy là 30° . Thể tích khối lăng trụ $ABC.A'B'C'$ là:

A. $\frac{\sqrt{3}}{8}a^3$

B. $\frac{\sqrt{3}}{4}a^3$

C. $\frac{\sqrt{3}}{24}a^3$

D. $\frac{\sqrt{3}}{12}a^3$

Câu 16 : Số nguyên dương lớn nhất để phương trình $25^{1+\sqrt{1-x^2}} - (m+2)5^{1+\sqrt{1-x^2}} + 2m+1=0$ có nghiệm

A. 25

B. 35

C. 20

D. 30

Câu 17 : Cho hình hộp đứng ABCD.A'B'C'D' có đáy là hình vuông, tam giác A'AC vuông cân và $A'C = a$. Thể tích khối hộp ABCD.A'B'C'D' là

A. $\frac{\sqrt{2}}{8}a^3$

B. $\frac{\sqrt{2}}{16}a^3$

C. $\frac{\sqrt{2}}{24}a^3$

D. $\frac{\sqrt{2}}{48}a^3$

Câu 18 : Số nghiệm của phương trình $(x-2)[\log_{0.5}(x^2-5x+6)+1]=0$ là

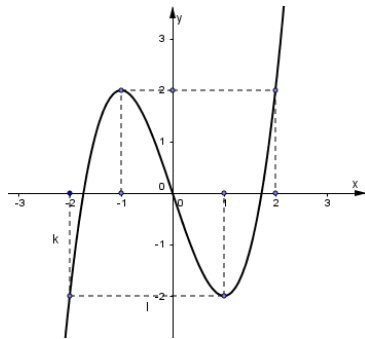
A. 0

B. 3

C. 1

D. 2

Câu 19 :



Hàm số nào dưới đây có đồ thị như hình vẽ bên?

A. $y = x^4 - 4x^2$

B. $y = x^3 - 3x^2$

C. $y = x^3 - 3x$

D. $y = -x^3$

Câu 20 : Cho hàm số $y = -x^3 + 3x^2 - 3x + 1$. Mệnh đề nào sau đây đúng?

A. Hàm số luôn nghịch biến tập xác định

B. Hàm số luôn đồng biến tập xác định

C. Hàm số đạt cực tiểu tại điểm $x = 1$

D. Hàm số đạt cực đại tại điểm $x = 1$

Câu 21 : Phương trình $3^{x^2-2x-3} + 3^{x^2-3x+2} = 3^{2x^2-5x-1} + 1$

A. Vô nghiệm

B. Có bốn nghiệm thực phân biệt.

C. Có ba nghiệm thực phân biệt.

D. Có hai nghiệm thực phân biệt.

Câu 22 : Một người gửi 15 triệu đồng vào ngân hàng theo thể thức lãi kép kì hạn 1 quý, với lãi suất 1,65% một quý. Hỏi sau bao lâu người gửi có ít nhất 20 triệu đồng (bao gồm cả vốn lẫn lãi) từ số vốn ban đầu ? (Giả sử lãi suất không thay đổi).

A. 18 quý

B. 16 quý

C. 17 quý

D. 19 quý

Câu 23 : Tính đạo hàm của hàm số : $y = 2016^x$

A. $y' = 2016^x$

B. $y' = x.2016^{x-1}$

C. $y' = 2016^x \cdot \ln 2016$

D. $y' = \frac{2016^x}{\ln 2016}$

Câu 24 : Giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số $y = \frac{x^3}{3} + 2x^2 + 3x - 4$ trên đoạn $[-4; 0]$ lần lượt là M và m. Giá trị của tổng $M + m$ bằng:

- A. $-\frac{17}{3}$ B. $-\frac{28}{3}$ C. $-\frac{19}{3}$ D. -5

Câu 25 : Cho hàm số $f(x) = \ln(4x - x^2)$ chọn khẳng định đúng trong các khẳng định sau :

- A. $f'(2)=1$ B. $f'(5)=1.2$ C. $f'(-1)=-1.2$ D. $f'(2)=0$

Câu 26 : Tính: $81^{-0,75} + \left(\frac{1}{125}\right)^{-\frac{1}{3}} - \left(\frac{1}{32}\right)^{-\frac{3}{5}}$ kết quả là:

- A. $-\frac{79}{27}$ B. $-\frac{80}{27}$ C. $\frac{79}{27}$ D. $\frac{80}{27}$

Câu 27 : Cho hình lăng trụ đứng ABCA'B'C' có đáy là tam giác đều cạnh a, đường chéo $A'B = a\sqrt{2}$. Thể tích của khối lăng trụ là.

- A. $\frac{a^3\sqrt{3}}{12}$ B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{4}$ C. $\frac{a^3\sqrt{6}}{4}$ D. $\frac{a^3\sqrt{6}}{12}$

Câu 28 : Đồ thị hàm số $y = x^4 - 3x^2 - 2$ giao với trục Ox tại bao nhiêu điểm?

- A. 3 B. 4 C. 2 D. 0

Câu 29 : Cho $\log_{0,2} x > \log_{0,2} y$. Chọn khẳng định đúng:

- A. $y > x \geq 0$ B. $y > x > 0$ C. $x > y \geq 0$ D. $x > y > 0$

Câu 30 : Một hình nón tròn xoay có đường cao $h = 20cm$, bán kính đáy $r = 25cm$. Tính diện tích xung quanh hình nón đã cho?

- A. $125\pi\sqrt{41}(cm^2)$ B. $120\pi\sqrt{41}(cm^2)$ C. $125\pi\sqrt{40}(cm^2)$ D. $124\pi\sqrt{41}(cm^2)$

Câu 31 : Tập xác định của hàm số $y = \log_3(2x+1)$ là

- A. $(-\infty; \frac{1}{2})$ B. $(\frac{1}{2}; +\infty)$ C. $(-\frac{1}{2}; +\infty)$ D. $(-\infty; -\frac{1}{2})$

Câu 32 : Cho hàm số $y = \frac{2x+1}{2x-1}$ có đồ thị (C). Khẳng định nào sau đây là **khẳng định đúng**?

- A. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = \frac{1}{2}$ và tiệm cận ngang $y = 2$

B. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = \frac{1}{2}$ và tiệm cận ngang $y = 1$

C. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = 1$ và tiệm cận ngang $y = \frac{1}{2}$

D. Đồ thị (C) có tiệm cận đứng $x = -\frac{1}{2}$ và tiệm cận ngang $y = \frac{1}{2}$

Câu 33 : Cho hàm số $y = \frac{1}{3}x^3 - \frac{1}{2}x^2 - 2x$. Phát biểu nào sau đây **đúng** ?

A. Hàm số nghịch biến trên khoảng $(2; +\infty)$

B. Hàm số nghịch biến trên R ;

C. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-\infty; -1)$

D. Hàm số đồng biến trên khoảng $(-1; 2)$

Câu 34 : Đồ thị hàm số $y = \frac{x-4}{x^2-16}$ có bao nhiêu đường tiệm cận?

A. 1 đường

B. 3 đường

C. 2 đường

D. 4 đường

Câu 35 : Hình chóp SABCD có đường cao là SA, đáy hình chữ nhật, $AB=3a$, $BC=4a$, góc giữa SC và mặt phẳng đáy bằng 45° . Thể tích khối chóp SABCD là

A. $\frac{12a^3}{\sqrt{5}}$

B. $10\sqrt{2}a^3$

C. $20a^3$

D. $10a^3$

Câu 36 : Tổng các nghiệm của phương trình: $\log_3^2 x - \log_3(9x) + 2 = 0$ là

A. 3

B. 0

C. 4

D. 10

Câu 37 : Tìm m để đồ thị hàm số $y = \frac{x}{x-1}$ cắt đường thẳng $y = -x + m$ tại 2 điểm phân biệt.

A. $\begin{cases} m > 4 \\ m < 0 \end{cases}$

B. $\forall m$

C. $0 < m < 4$

D. $\begin{cases} m \geq 4 \\ m \leq 0 \end{cases}$

Câu 38 : Hàm số $y = \frac{2\cos x - 1}{\cos x + 2}$ có giá trị nhỏ nhất là:

A. 1

B. - 3

C. $\frac{1}{3}$

D. - 1

Câu 39 : Gọi x_1, x_2 là nghiệm phương trình $\log_3(x^2 - x - 5) = \log_3(2x + 5)$. Khi đó tổng $x_1 + x_2$ bằng:

A. -10

B. 5

C. 4

D. 3

Câu 40 : Phương trình $2\log_8 2x + \log_8(x-1)^2 = \frac{4}{3}$ có :

- A. 1 nghiệm. B. 2 nghiệm. C. 3 nghiệm. D. Phương trình đã cho vô nghiệm.

Câu 41 : Phương trình $8.3^x + 3.2^x = 24 + 6^x$ có tổng các nghiệm bằng:

- A. 2 B. 3 C. 6 D. 4

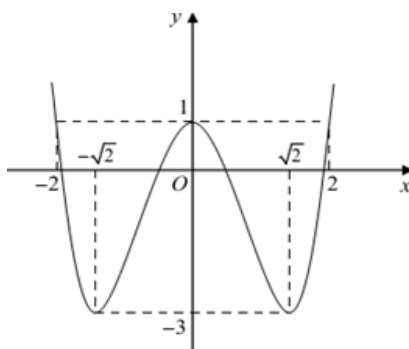
Câu 42 : Hàm số $y = mx^4 + (m-1)x^2 + 2m - 3$ có 3 điểm cực trị khi và chỉ khi:

- A. $0 \leq m \leq 1$ B. $m > 1$ C. $0 < m < 1$ D. $\begin{cases} m > 1 \\ m < 0 \end{cases}$

Câu 43 : Cho hàm số $y = (x^2 - 2x - 2)e^x$. Tích của giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số đã cho trên $[0; 3]$ bằng bao nhiêu?

- A. $-2e^6$ B. $-4e$ C. $-2e^5$ D. $-2e^3$

Câu 44 : Biết rằng hình vẽ bên là của đồ thị (C): $y = x^4 - 4x^2 + 1$. Tìm m để phương trình $x^4 - 4x^2 - m = 0$ có 4 nghiệm phân biệt.



- A. $-3 < m < 1$ B. $-4 < m < 0$ C. $m = 0; m = -4$ D. $-4 \leq m \leq 0$

Câu 45 : Một hình hộp chữ nhật $ABCD.A'B'C'D'$ có ba kích thước là 2 cm, 3 cm và 6 cm. Thể tích khối hộp $ABCD.A'B'C'D'$ bằng

- A. 4 cm^3 B. 12 cm^3 C. 6 cm^3 D. 36 cm^3

Câu 46 : Phương trình $(\sqrt{2} - 1)^x + (\sqrt{2} + 1)^x - 2\sqrt{2} = 0$ có tích các nghiệm là:

- A. -1 B. 0 C. 1 D. 2

Câu 47 : Cho hình lăng trụ $ABC.A'B'C'$ có đáy ABC là tam giác đều cạnh a . Hình chiếu vuông góc của A' xuống (ABC) là trung điểm của AB . Mặt bên $(ACC'A')$ tạo với đáy góc 45° . Tính thể tích khối lăng trụ này

- A. $\frac{a^3}{16}$ B. $\frac{3a^3}{16}$ C. $\frac{2a^3\sqrt{3}}{3}$ D. $\frac{a^3\sqrt{3}}{3}$

Câu 48 : Cho hình chóp $SABCD$ có đáy $ABCD$ là hình vuông có cạnh a và SA vuông góc đáy $ABCD$ và mặt bên (SCD) hợp với đáy một góc 60° . Tính thể tích hình chóp $S.ABCD$

A. $\frac{2a^3\sqrt{3}}{3}$

B. $\frac{a^3\sqrt{3}}{6}$

C. $a^3\sqrt{3}$

D. $\frac{a^3\sqrt{3}}{3}$

Câu 49 : Tìm m để đồ thị hàm số $y = x^3 - 2mx^2 + (m+2)x$ cắt trục hoành tại 3 điểm phân biệt

A. $\begin{cases} m > 2 \\ m < -1 \end{cases}$

B. $\begin{cases} m > 2 \\ m < -1 \\ m \neq -2 \end{cases}$

C. $-1 < m < 2$

D. $\begin{cases} m \geq 2 \\ m \leq -1 \end{cases}$

Câu 50 : $\log_{\frac{1}{a}} \sqrt[3]{a^7}$ ($a > 0, a \neq 1$) bằng:

A. $7/3$

B. $-\frac{7}{3}$

C. $\frac{5}{3}$

D. $\frac{2}{3}$

Họ, tên thí sinh:.....**Lớp:**.....

Số báo danh:.....

PHIẾU SOI - ĐÁP ÁN (Dành cho giám khảo)

MÔN : DE 2

M□ ĐỀ : 132

01	{ })	28	{) } ~		
02	{ })	29	{) } ~		
03	{) ~	30	) } ~		
04	{ })	31	{) ~		
05	) } ~	32	{) } ~		
06	) } ~	33	{) ~		
07	) } ~	34	{) ~		
08	{) } ~	35	{) ~		
09	{) } ~	36	{) ~		
10	{) ~	37	) } ~		
11	{ })	38	{) } ~		
12	{ })	39	{ })		
13	{ })	40	) } ~		
14	{) ~	41	{ })		
15	) } ~	42	{) ~		
16	) } ~	43	{) ~		
17	) } ~	44	{) } ~		
18	{ })	45	{ })		
19	{) ~	46	) } ~		
20	) } ~	47	{) } ~		
21	{) } ~	48	{ })		
22	) } ~	49	) } ~		
23	{) ~	50	{) } ~		
24	{) } ~				
25	{ })				
26	{) } ~				
27	{) } ~				